

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 09 - 6 - 2021
*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quynh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cận và bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST- DS ngày 02/02/2021 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 07/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-DS ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Trụ sở: Địa chỉ: Số x, đường H, phường C, quận Đ, thành phố N; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tiết Văn T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người được ủy quyền lại: Bà Vũ Thị Kim O- Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Cẩm Trung, Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố P, Quảng Ninh (Theo Giấy ủy quyền số: xx/NHNo.CP ngày 08/01/2021 của Ngân hàng N - Chi nhánh TP Cẩm Phả Quảng Ninh) - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị Khánh V - Sinh năm 19xx; ĐKKHKT tại: Tổ x, khu T2, phường B, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh và Anh Bùi Trung T - Sinh năm 19xx; ĐKKHKT tại: xx/xx/xx/xxx T, phường D, quận C, thành phố P; chỗ ở: Tổ x, khu T2, phường B, thành phố P, tỉnh N - Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng N - bà Vũ Thị Kim O trình bày: Căn cứ vào nhu cầu vay vốn để mua đất ở của Chị Đinh Thị Khánh V và Anh Bùi Trung T, ngày 27/9/2016, Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh đã ký Hợp

đồng tín dụng số xxxxLAV201600814/HĐTD để cho Chị V và Anh T vay số tiền: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm cấp tín dụng: 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm; Lãi suất tại thời điểm hiện tại: 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 15,75%/năm.

Chị Đinh Thị Khánh V và Anh Bùi Trung T đã nhận đủ số tiền vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn). Tài sản thế chấp cho khoản vay này là: Quyền sử dụng đất 172m² và ngôi nhà cấp 4 diện tích 47m² tại tổ x (nay là tổ x), khu T2, phường B, thành phố P, tỉnh N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A00xxxxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H xxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh N cấp ngày xx/x/20xx cho chủ sở hữu là Đinh Thị Khánh V, thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ký ngày 27/9/2016 được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 28/9/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cẩm Phả theo đúng quy định của pháp luật.

Qua kiểm tra thực tế tài sản thế chấp tại tổ x (nay là tổ x), khu T2, phường B, thành phố P, tỉnh N hiện tại do anh Đinh Quốc C (anh trai Chị V) và ông Đinh Văn Đ (bố đẻ Chị V) trông coi.

Từ sau khi vay vốn cho đến ngày 04/2/2017, Chị V và Anh T mới trả được cho Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố P, tỉnh N số tiền là 78.617.084 đồng, trong đó gốc nộp được 60.000.000 đồng, lãi nộp được 18.617.084 đồng, từ sau đó đến nay Chị V và Anh T không trả được tiền nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 09/6/2021, Chị V và Anh T còn nợ Ngân hàng số tiền là: 675.669.583 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) trong đó: Nợ gốc: 440.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 05/02/2017 đến ngày 09/6/2021 là: 235.669.583 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 204.612.916 đồng, lãi quá hạn là 31.056.667 đồng).

Toàn bộ số nợ trên đã quá hạn nhiều ngày, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ và tạo mọi điều kiện để chị V và anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Chị V và Anh T đều không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình.

Như vậy, tại thời điểm hiện nay, chị V và anh T đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả Quảng Ninh theo Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016, hợp đồng thế chấp và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với Ngân hàng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày như trên, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thu hồi vốn cho Nhà nước, Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết tranh chấp:

- Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016 ký giữa Ngân hàng N với Chị Đinh Thị Khánh V và Anh Bùi Trung T chưa hết thời hạn nhưng chị V và anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Tòa án tuyên

chấm dứt hợp đồng tín dụng này.

- Buộc Chị Đinh Thị Khánh V và Anh Bùi Trung T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố P, tỉnh N toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 09/6/2021 là: 675.669.583 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) trong đó: Nợ gốc: 440.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 05/02/2017 đến ngày 09/6/2021 là: 235.669.583 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 204.612.916 đồng, lãi quá hạn là 31.056.667 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD, kể từ 10/6/2021 cho đến ngày thực tế chị V và anh T trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Nếu chị V và anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên, Ngân hàng N - chi nhánh thành phố P có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ký ngày 27/9/2016 và/hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay như nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng; Trường hợp không thu đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản khác của chị V và anh T để thu hồi nợ cho Ngân hàng N chi nhánh thành phố P, tỉnh N.

Đối với công trình phụ 27m² xây dựng trên diện tích đất được quyền sử dụng của chị V - anh T hiện đang thế chấp tại Ngân hàng, tại thời điểm xác định giá trị tài sản bảo đảm không đưa vào biên bản vì Ngân hàng căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính thì công trình này cũng đã hết khấu hao; Mặt khác trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị V cũng không ghi nhận có công trình này. Căn cứ vào thỏa thuận tại mục 1.4 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/HĐTC ngày 27/9/2016 ký giữa Ngân hàng N - chi nhánh thành phố P với chị V và anh T, Ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý phần tài sản tăng thêm này theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn - chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T nhiều lần nhưng chị V và anh T cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của chị V, anh T và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, không đưa các chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do đó chị V và anh T phải tự chịu hậu quả pháp lý cho việc không đưa ra chứng cứ chứng minh và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn Ngân hàng đã

thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị V và anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận thấy:

Căn cứ Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 318, 342 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Nhận thấy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T phải cùng trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, nợ lãi và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016 và Hợp đồng thế chấp số 01/TC ngày 27/9/2016. Nếu chị Đinh Thị Khánh V anh Bùi Trung T không trả nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để trả toàn bộ nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N như nêu trên là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; người bị kiện chị V và anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại phường B, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; tài sản thế chấp của chị V anh T là bất động sản tại phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Việc giao kết Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD giữa Ngân hàng N Chi nhánh thành phố Cẩm Phả Quảng Ninh với chị V và anh T ngày 27/9/2016 cùng với Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ngày 27/9/2016 để bảo đảm cho khoản vay của chị V và anh T với Ngân hàng là do các bên tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các Tổ chức tín dụng và các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng N. Chị V và anh T đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng. Thời gian đầu sau khi vay, chị V và anh T đã thanh toán nợ cho Ngân hàng theo

thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 78.617.084 đồng, trong đó gốc nộp được 60.000.000 đồng, tiền lãi nộp được 18.617.084 đồng, kể từ ngày 04/02/2017 đến nay chị V và anh T đã không thanh toán được nợ theo thỏa thuận và phát sinh nợ quá hạn gốc, lãi. Ngân hàng đã đôn đốc, làm việc nhiều lần nhưng chị V và anh T không thực hiện việc trả nợ và không tự nguyện bàn giao, xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho chị V và anh T.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng N giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng, buộc chị Đinh Thị Khánh V anh Bùi Trung T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 09/6/2021, là: 675.669.583 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) trong đó: Nợ gốc: 440.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 05/02/2017 đến ngày 09/6/2021 là: 235.669.583 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 204.612.916 đồng, lãi quá hạn là 31.056.667 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐT, kể từ 10/6/2021 cho đến ngày thực tế chị V và anh T trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N - chi nhánh TP P, tỉnh N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ngân hàng khởi kiện đối với chị V và anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016 là đúng với thỏa thuận tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 471, 474, 476, 318, 342 và 355 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N không đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số: 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016 đã ký giữa Ngân hàng với Chị V và Anh T, tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn thay đổi quan điểm đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng, đề nghị này cũng phù hợp với nội dung khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị V và anh T phải trả toàn bộ các khoản nợ phát sinh (bao gồm cả các khoản nợ thu hồi trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc tuyên chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng cho vay số: Hợp đồng tín dụng số: 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016 theo quy định tại khoản 4 Điều 424 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của đại diện Ngân hàng N: Ngày 06/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay của chị V và Anh T, tài sản đó là: Quyền sử dụng đất 172m² và ngôi nhà cấp 4 diện tích

47m² tại tổ x (nay là tổ x), khu T2, phường B, thành phố P, tỉnh N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A00xxxxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H xxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh N cấp ngày xx/x/20xx cho chủ sở hữu là Đinh Thị Khánh V. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng 172,0m² đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như thời điểm thế chấp tại Ngân hàng, không coi nói tôn tạo thêm mới, tuy nhiên trên diện tích đất này ngoài căn nhà cấp 4 một tầng 47m² thì còn phát sinh 01 căn nhà nhỏ lợp Proximăng là công trình phụ có diện tích 27m² xây bằng gạch xi.

Anh Đinh Ngọc Chiến (anh ruột của Chị V) có mặt khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, anh Chiến có ý kiến: Từ ngày vợ chồng Chị V và anh T làm ăn thua lỗ nên đã đi nơi khác sinh sống, vì là anh em ruột nên thỉnh thoảng anh và Chị V, Anh T vẫn trao đổi qua điện thoại với nhau nhưng Chị V không cho biết địa chỉ cư trú mới ở đâu. Anh Chiến cũng đã thông tin cho Chị V, Anh T biết việc Ngân hàng Nông nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng Chị V và Anh T không về để giải quyết vụ án. Đối với công trình phụ có diện tích 27m² xây dựng trên đất của Chị V và Anh T, anh Chiến không biết việc xây dựng vào năm nào nhưng anh xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của Chị V và Anh T.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của ông Đinh Văn Đ (bố đẻ Chị V), ông Đ cung cấp thông tin như sau: Phần nhà bếp và công trình phụ 27 m² nằm trong diện tích đất 172m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO xxxxx số vào sổ Hxxxx do UBND Thị xã Cẩm Phả cấp ngày xx/xx/xxxx cấp cho chị Đinh Thị Khánh V là do vợ chồng ông Đức xây dựng từ năm 1983, ban đầu lợp bằng giấy dầu nhưng đến năm 1987 thì ông sửa lại và lợp mái Proximăng được chia thành hai gian: 01 gian nhà tắm và 01 gian nhà bếp. Đến năm 1999 vợ chồng ông đã tặng cho Chị V 172m² đất trên đó có cả công trình phụ này, khi chị V và anh T kết hôn với nhau thì cùng xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần diện tích đất được tặng cho.

Tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016 giữa chị V, anh T và Ngân hàng cũng đã thỏa thuận: “Cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 27/9/2016”. Do vậy, Hội đồng xét xử có xem xét: Việc ký kết Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ngày 27/9/2016 giữa Ngân hàng với chị V và anh T là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Ngân hàng cũng còn thiếu sót khi xác định giá trị tài sản bảo đảm không có phần diện tích của công trình phụ 27m² mà ông Đinh Ngọc Đ đã xây dựng từ trước khi tặng cho chị V vào năm 1999. Đối với phần diện tích xây dựng này, Hội đồng xét xử thấy đây là tài

sản chị V được bố để tặng cho, đến năm 2009 chị V đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Cẩm Phả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên xác lập quyền sở hữu của chị V và anh T đối với phần diện tích xây dựng 27m². Do vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị được xử lý tài sản thế chấp và các công trình xây dựng trên đất để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD ngày 27/9/2016, trong trường hợp vợ chồng chị V - anh T không thanh toán được khoản nợ. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả của khoản vay này cho Ngân hàng.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại Ngân hàng N số tiền 14.975.640 đồng (Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp ngày 29/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Về phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tòa án đã chi phí hợp lý cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ hết số tiền này. Tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về việc nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn là chị V và anh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng đã được Tòa án chấp nhận, do đó cần buộc chị V và anh T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho Ngân hàng N.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 318, 342 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T.

2. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tín dụng số 8010LAV201600814/HĐTD ký kết ngày 27/9/2016 giữa Ngân hàng N (Agribank) với chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T.

3. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N một lần toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 8010LAV201600814/HĐTD Ngân hàng đã ký với chị V và anh T ngày 27/9/2016, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/6/2021) số tiền là: 675.669.583 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) trong đó: Nợ gốc: 440.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 05/02/2017 đến ngày 09/6/2020 là: 235.669.583 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 204.612.916 đồng, lãi quá hạn là 31.056.667 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2021), chị V và anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, theo Hợp đồng tín dụng số: 8010LAV201600814/HĐTD ký kết ngày 27/9/2016.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N cho vay thì lãi suất mà chị V và anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N cho vay.

4. Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V và anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 8010LAV201600814/HĐTD thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số: 01/HĐTC ngày 27/9/2016, để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất 172m² và ngôi nhà cấp 4 diện tích 47m², công trình phụ 27m² tại tổ x (nay là tổx), khu T2, phường B, thành phố P, tỉnh N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A00xxxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H xxxx do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày xx/x/20xx cho chủ sở hữu là Đinh Thị Khánh V. Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì Chị V và Anh T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T phải phải liên đới chịu 31.026.783 đồng (ba mươi một triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 14.975.640 đồng (Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005700 ngày 29/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

6. Về phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc chị Đinh Thị Khánh V và anh Bùi Trung T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền chi phí hợp lý cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Chị V và Anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA -VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Quynh

